

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2017/HS-ST
Ngày: 22/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Đình Tước;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Nguyễn Ngọc Tâm;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Lê Đức Xiêm - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Đặng Nguyễn Hải Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2017/TLST-HS ngày 21/7/2017, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Đức N**, sinh ngày 30/3/1981 (tại huyện L, tỉnh Phú Thọ);

Tên gọi khác: T;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu T, thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Trình độ văn hóa: 7/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông: Nguyễn Đức C, sinh năm 1954 và bà: Triệu Thị L, sinh năm 1957;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền sự: Không;

Tiền án:

- Bản án số 17/2010/HSST ngày 29/6/2010, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử phạt 24 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại 24/12/2012.

- Bản án số 20/2013/HSST ngày 09/4/2013, Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ xử phạt 42 tháng tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ra trại ngày 01/5/2016.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2. **Nguyễn Duy L**, sinh ngày 25/02/1988;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 9, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ;

Trình độ văn hóa: 12/12; - Nghề nghiệp: Không;

Con ông: Nguyễn Đức A, sinh năm 1959 và bà: Đỗ Thị Kim O, sinh năm 1961;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2017, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

1. Anh Phạm Hồng T, sinh năm 1980;

Trú tại: Khu A, xã C, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

2. Anh Hà Văn Q, sinh năm 1976;

Trú tại: Khu 6, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ

3. Anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1984;

Trú tại: Khu 3, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(Những người bị hại đều vắng mặt).

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH V – Địa chỉ: Khu 12, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ, do ông: Đào Hồng T – Giám đốc công ty đại diện (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1985;

Trú tại: Khu 7, thị trấn H, huyện T, tỉnh Phú Thọ (Vắng mặt).

2. Bà Đỗ Thị Kim O, sinh năm 1961;

Trú tại: Khu 9, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

NHẬN THẤY:

Khoảng 15 giờ ngày 07/5/2017, Nguyễn Duy L điều khiển xe mô tô, nhãn hiệu DETECH, biển kiểm soát: 19N1- 00022 chở Nguyễn Đức N đi chơi đồng thời hẹn nhau rạng sáng ngày 08/5/2017 sẽ gặp nhau tại khu vực chợ C thuộc khu T, thị trấn L để cùng đi trộm cắp tài sản. Khoảng 01 giờ ngày 08/5/2017, L điều khiển xe mô tô nói trên đến chợ C đón N, trên xe L có cài 01 túi tải xác rắn màu xanh. Khi gặp nhau, N mang theo 01 túi vải màu đen bên trong đựng một số dụng cụ gồm 02 kìm cắt, 01 tô vít, 01 lưới cửa kim loại, 05 cờ lê, 01 cờ lê choòng, 01 choòng, 01 mỏ lết, 01 mũi khoan và treo túi vải vào phía trước xe của L. N điều khiển xe mô tô chở L theo hướng từ thị trấn L đi xã S. Đi được khoảng 100m đến đoạn dốc Đ thuộc khu T, thị trấn L, L nhìn thấy tại khu vực nhà đang xây dựng của gia đình anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1974, trú tại:

Khu T, thị trấn L có 01 máy trộn bê tông của anh Hà Văn Q, sinh năm 1976, trú tại: Khu 6, xã C, thành phố V, tỉnh Phú Thọ không có ai trông coi. L bảo N điều khiển xe dừng lại và đứng chờ, L xuống xe lấy trong túi vải đen 01 chiếc kìm cắt và 01 cò lê rồi đi bộ đến chỗ máy trộn bê tông. L dùng kìm cắt đứt dây nối điện mô tơ quần của máy trộn bê tông, dùng cò lê tháo 04 ốc vít giữ và tháo được mô tơ quần ra khỏi máy trộn bê tông, mang mô tơ lại chỗ N đang đứng chờ và nói với N : “Vừa trộm được chiếc mô tơ của máy trộn bê tông kia”. L để mô tơ lên yên xe giữa vị trí ngồi của N và L, N điều khiển xe đi ra phía sau trường THPT L thuộc địa bàn thị trấn L, huyện L, tỉnh Phú Thọ cất giấu chiếc mô tơ ở bụi cỏ ven đường. N tiếp tục chở L theo đường tỉnh lộ 325 đi xã C, huyện L tìm kiếm tài sản để trộm cắp. Khi đến gần Trạm y tế xã C thuộc khu A, xã C, L phát hiện ở ven đường có 02 chiếc xe ô tô tải của anh Phạm Hồng T, sinh năm 1980, trú tại: Khu A, xã C không có ai trông coi. L bảo N dừng xe đứng ở ven đường cạnh giới. L đi lại vị trí để bình ắc quy của xe ô tô tải, biển kiểm soát: 19C-07442 dùng tay bẻ, vặn các mối nối giữa bình ắc quy với xe ô tô, một lúc sau thì L tháo và lấy được 01 bình ắc quy nhãn hiệu JS, màu trắng, loại 12V-85Ah và mang lại chỗ N đang chờ đặt tại giá để hàng của xe mô tô. L đi đến xe ô tô tải, biển kiểm soát: 19C-04459 dùng kìm và mỏ lết cắt đứt các mối nối và tháo ốc vít giữ của 02 bình ắc quy nhãn hiệu Dong Nai, màu đen, loại 12V-85Ah, L mang 02 bình ắc quy này để lên xe mô tô. N điều khiển xe mô tô chở L mang 03 bình ắc quy quay lại lấy chiếc mô tơ đã trộm cắp được trước đó, rồi cả hai mang số tài sản trộm cắp được đi đến thị trấn H1, huyện T, tỉnh Phú Thọ mục đích để bán cho cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Hữu B, sinh năm 1985, trú tại: Khu 7 thị trấn H1. Khi đi đến địa phận thị trấn H1 thì N và L bị lực lượng Công an thị trấn H1 kiểm tra. Nghi ngờ có dấu hiệu tội phạm, Công an thị trấn H1 đã tiến hành bàn giao người, phương tiện và các tài sản, đồ vật trên cho Công an huyện T để xác minh làm rõ. Qua xác minh ban đầu và căn cứ thẩm quyền điều tra, ngày 08/5/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao hai đối tượng Nguyễn Đức N, Nguyễn Duy L cùng các vật chứng thu giữ và hồ sơ tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L để xử lý theo thẩm quyền.

Ngày 08/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L, tỉnh Phú Thọ đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L, tỉnh Phú Thọ định giá: 01 mô tơ quần máy trộn bê tông không xác định được nhãn hiệu, chủng loại, trọng lượng 31 kg; 02 bình ắc quy khô nhãn hiệu Dong Nai, màu đen, loại 12V-85Ah; 01 bình ắc quy nhãn hiệu JS, màu trắng, loại 12V-85Ah. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 19KL- ĐGTSTT ngày 08/5/2017 của Hội đồng định giá huyện L kết luận: 02 bình ắc quy khô nhãn hiệu Dong Nai, màu đen, loại 12V-85Ah, giá trị thiệt hại: 1.740.000đ (Một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng); 01 bình ắc quy nhãn hiệu JS, màu trắng, loại 12V-85A, giá trị thiệt hại: 870.000đ (Tám trăm bảy mươi nghìn đồng); 01 mô tơ quần không xác định được nhãn hiệu, chủng loại, trọng lượng 31 kg, giá trị thiệt hại: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Tổng giá trị thiệt hại: 2.910.000đ (Hai triệu chín trăm mười nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, N và L khai nhận ngoài việc cùng nhau thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 08/5/2017, N và L còn cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản khác cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 03/5/2017, N điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 19N1-00022 chở L đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đi đến khu vực cây xăng thuộc khu 3, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ, L phát hiện ở ven đường có 01 chiếc xe ô tô tải, biển kiểm soát: 18N-4135 của anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1984, trú tại: Khu 3 xã K không có người trông coi, L bảo N dừng xe ở ven đường đứng chờ và L đi đến chỗ ô tô tải, dùng mỏ lết tháo các ốc vít giữ và lấy được 02 bình ắc quy màu trắng, loại 12V-85Ah. Sau đó, N chở L và tài sản trộm cắp được đến thị trấn H1 bán cho Nguyễn Hữu B được số tiền 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Vụ thứ hai: Vào 13 giờ ngày 04/5/2017 N điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát: 19N1-00022 chở L đi tìm tài sản để trộm cắp, khi đi đến khu 13 thị trấn H, phát hiện ở bãi đất bên đường có 01 chiếc xe lu của Công ty trách nhiệm hữu hạn V có trụ sở tại khu 12 thị trấn H, không có người trông coi, N và L đi đến chỗ xe lu dùng lưỡi cưa sắt thay nhau cưa đứt móc khóa bảo vệ, lấy được 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, màu trắng, loại 12V-120Ah. N và L mang tài sản trộm cắp được đến thị trấn H1 bán cho Nguyễn Hữu B được số tiền 820.000đ (Tám trăm hai mươi nghìn đồng).

Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, thu thập đầy đủ tài liệu chứng minh về hành vi trộm cắp tài sản của N và L trong ngày 03/5/2017 và 04/5/2017. Ngày 30/5/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L định giá: 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, màu trắng, loại 12V-120Ah; 02 bình ắc quy màu trắng, không xác định được nhãn hiệu, loại 12V-85Ah. Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 21KL- ĐGTSTT ngày 01/6/2017 của Hội đồng định giá huyện L kết luận: 02 bình ắc quy nhãn hiệu GS, màu trắng, loại 12V-120Ah, giá trị thiệt hại: 2.000.000đ (Hai triệu đồng); 02 bình ắc quy màu trắng, không xác định được nhãn hiệu, loại 12V-85Ah, giá trị thiệt hại: 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T) và Nguyễn Duy L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung nêu trên.

Tại Bản Cáo trạng số 42/KSĐT ngày 20/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Nguyễn Đức N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Nguyễn Duy L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố của bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T), Nguyễn Duy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Về hình phạt:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 phạt Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T) từ 33 đến 36 tháng tù giam.

Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999 phạt Nguyễn Duy L từ 12 đến 15 tháng tù giam.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: Số tiền 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng); 02 kìm cắt nhãn hiệu MEINFA có tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen; 01 tô vít có chuôi bằng nhựa màu vàng, dài 19cm; 01 lưỡi cưa kim loại dài 30cm; 05 cờ lê các loại cỡ từ 8-18; 01 cờ lê choòng cỡ 13-14; 01 cờ lê choòng dài 10cm; 01 mỏ lết loại 8- 200mm bằng kim loại màu đen trên tay cầm có dòng chữ FORGED; STEEL dài 20cm; 01 mũi khoan dài 16cm.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bao tải xác rắn màu xanh kích thước 93x54cm, 01 túi vải màu đen, kích thước 40x36cm

- Trả lại cho bà Đỗ Thị Kim O: 01 xe mô tô nhãn hiệu DETECH, biển kiểm soát: 19N1-00022.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T) và Nguyễn Duy L có trách nhiệm bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn V – địa chỉ: Khu 12, thị trấn H, huyện L, tỉnh Phú Thọ số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là giá trị 02 bình ắc quy xe lu bị trộm cắp; bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc V, khu 3, xã K, huyện L, tỉnh Phú Thọ số tiền 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) là giá trị 02 bình ắc quy xe ô tô biển kiểm soát 18N- 4135.

* Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T), Nguyễn Duy L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của bị cáo, của người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Đức N (tên gọi khác: T), Nguyễn Duy L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như sau: Trong các ngày 08/5/2017 và 04/5/2017 các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 4.910.000 đồng (Bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng). Trong đó trộm cắp 01 mô tơ quán máy trộn bê tông của anh Hà Văn Q trị giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); trộm cắp 03 bình ắc quy trên 02 xe ô tô

tải của anh Phạm Hồng T trị giá 2.610.000 đ (Hai triệu sáu trăm mười nghìn đồng) và trộm cắp 02 bình ắc quy trên xe lu của Công ty trách nhiệm hữu hạn V trị giá 2.000.000 đ (Hai triệu đồng).

Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại tại cơ quan Điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác lưu tại hồ sơ và được xem xét tại phiên tòa, như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Tuy tổng trị giá các tài sản N và L trộm cắp được là 4.910.000 đồng (Bốn triệu chín trăm mười nghìn đồng), xong do Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T) đã có 02 (hai) tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung “tái phạm nguy hiểm” cho hành vi của mình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; bị cáo L không có tiền án, tiền sự nên bị cáo phải chịu hình phạt cho hành vi của mình theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

“Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

2. “Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a,.....;

c, Tái phạm nguy hiểm;”

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; các bị cáo tuổi đời còn trẻ, có sức khỏe mà không chịu lao động, làm ăn chân chính để chăm lo cuộc sống cho bản thân, cho gia đình mà chỉ lợi dụng sơ hở của người khác để nhằm chiếm đoạt tài sản, muốn hưởng thụ thành quả lao động một cách an nhàn. Hành vi các bị cáo thực hiện không những đã xâm phạm tới tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, coi thường pháp luật; bởi vậy cần xử phạt các bị cáo ở mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành người có ích cho gia đình, xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo N có 02 tiền án chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục phạm tội; vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo L. Bị cáo L 02 lần bị xử phạt về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 183/2009/HSST ngày 22/6/2009 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Phú Thọ xử phạt 36 tháng tù, ra trại tháng 08/2011 và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo

Bản án số 08/2012/HSST ngày 28/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xử phạt 36 tháng tù, đã chấp hành xong hình phạt ngày 17/5/2014; nhưng đến ngày 07/5/2017 bị cáo L tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì bị cáo chưa được xóa án tích, lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết định khung là "Tái phạm nguy hiểm". Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 2015 chưa có hiệu lực thi hành thì người bị kết án đối với bản án trên đã được xóa án tích. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của bộ luật Tổ tụng Hình sự số 101/2015/QH13, luật Tổ chức cơ quan Điều tra hình sự số 99/2015/QH13, luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 để áp dụng tình tiết có lợi cho bị cáo L. Do đó bị cáo L không phải chịu tình tiết định khung là "Tái phạm nguy hiểm" đối với lần phạm tội này; nên cần cân nhắc cho bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp hơn bị cáo N.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản gì, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Xét thấy tài sản bị cáo trộm cắp là: 01 mô tơ quần máy trộn bê tông không xác định được nhãn hiệu, chủng loại, trọng lượng 31 kg của chủ sở hữu là anh Hà Văn Q. 02 bình ắc quy khô nhãn hiệu Dong Nai, màu đen, loại 12V-85Ah và 01 bình ắc quy nhãn hiệu JS, màu trắng, loại 12V-85Ah của chủ sở hữu là anh Phạm Hồng T. Anh Q và anh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì. Do vậy không đặt ra trách nhiệm bồi thường đối với các bị cáo cho anh Q và anh T mà cần xác nhận anh Q và anh T đã nhận lại tài sản trên do cơ quan Điều tra, Công an huyện L trả theo biên bản về việc trả lại tài sản ngày 22/6/2017 là hợp pháp.

Đối với 04 bình ắc quy mà L và N đã bán cho Nguyễn Hữu B trong ngày 03/5/2017 và 04/5/2017, B không biết nguồn gốc 04 bình ắc quy là tài sản do L và N trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý B về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là phù hợp. B khai nhận đã bán bình ắc quy này cho người thu mua phế liệu nhưng không biết tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ xác minh thu hồi tài sản. Anh Đào Hồng Th (đại diện Công ty trách nhiệm hữu hạn V) và anh Nguyễn Ngọc V có đề nghị các đối tượng trộm cắp bồi thường số tiền tương ứng với giá trị 04 bình ắc quy đã bị trộm cắp, xét đề nghị của anh T và anh V. Vì vậy, cần buộc các bị cáo N, L phải bồi thường cho công ty TNHH V số tiền tương ứng với giá trị 02 (Hai) bình ắc quy nước, màu trắng,

nhãn hiệu “GS”, dung lượng: 12V-120Ah, ắc quy cũ đã qua sử dụng; bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc V số tiền tương ứng với giá trị 02 (Hai) bình ắc quy nước, màu trắng, không xác định được nhãn hiệu, dung lượng: 12V-85Ah, ắc quy cũ đã qua sử dụng là phù hợp.

Đối với số tiền 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng) là tiền lãi chênh lệch khi B bán 04 bình ắc quy, B tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra và không đề nghị được nhận lại nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp;

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH, biển kiểm soát: 19N1-00022 L và N dùng làm phương tiện thực hiện việc phạm tội là của bà Đỗ Thị Kim O. Bà O không biết việc L và N đã lấy chiếc xe của mình để dùng vào việc thực hiện tội phạm nên cần trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà O là phù hợp.

Đối với những vật chứng được các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, gồm:

- 02 kìm cắt nhãn hiệu MEINFA có tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen;
- 01 tô vít có chuôi bằng nhựa màu vàng, dài 19cm;
- 01 lưỡi cưa kim loại dài 30cm;
- 05 cờ lê các loại cỡ từ 8-18;
- 01 cờ lê choòng cỡ 13-14;
- 01 choòng dài 10cm;
- 01 mỏ lết loại 8-200mm bằng kim loại màu đen, trên tay cầm có dòng chữ FORGED; STEEL, dài 20 cm;
- 01 mũi khoan dài 16cm;

Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với vật chứng là: 01 bao tải xác rắn màu xanh kích thước 93x54 cm; 01 túi vải màu đen, kích thước 40x36cm là công cụ là những vật chứng không có giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với hành vi trộm cắp 02 chiếc ắc quy xe ô tô tải biển số 18N – 4135 của anh Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1984 trú tại khu 3, xã K, huyện L ngày 03/5/2017; trị giá tài sản trộm cắp là 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng), do Nguyễn Duy L, Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T) không có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên hành vi trộm cắp tài sản này chưa đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản; vì vậy, không xử lý hình sự đối với các bị cáo về hành vi trên là phù hợp.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T), Nguyễn Duy L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T), Nguyễn Duy L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đức N 33 (Ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2017.

Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm b khoản 2 Điều 70, khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Duy L 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/5/2017.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự; Điều 170, khoản 5 Điều 275, Điều 357, khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

+ Buộc bị cáo Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T), Nguyễn Duy L phải bồi thường cho công ty TNHH V do ông Đào Hồng T – Giám đốc đại diện số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng);

Kỷ phần bị cáo N (Tên gọi khác: T) là 1.000.000đ (Một triệu đồng);

Kỷ phần bị cáo L là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

+ Buộc bị cáo Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T), Nguyễn Duy L phải bồi thường cho anh Nguyễn Ngọc V số tiền 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng);

Kỷ phần bị cáo N (Tên gọi khác: T) là 825.000đ (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng);

Kỷ phần bị cáo L là 825.000đ (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự, điểm a, b, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- Số tiền 30.000đ (Ba mươi nghìn đồng);

- 02 kìm cắt nhãn hiệu MEINFA có tay cầm bằng nhựa màu đỏ, đen;

- 01 tô vít có chuôi bằng nhựa màu vàng, dài 19cm;

- 01 lưỡi cưa kim loại dài 30cm;

- 05 cờ lê các loại cỡ từ 8-18;

- 01 cờ lê choòng cỡ 13-14;

- 01 choòng dài 10cm;

- 01 mỏ lết loại 8-200mm bằng kim loại màu đen, trên tay cầm có dòng chữ FORGED; STEEL, dài 20 cm;

- 01 mũi khoan dài 16cm;

+ Tịch thu tiêu hủy:

- 01 bao tải xác rắn màu xanh kích thước 93x54 cm;
- 01 túi vải màu đen, kích thước 40x36cm;

(Vật chứng trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Phú Thọ theo Biên bản giao nhận tài sản ngày 22/6/2017).

+ Trả lại cho bà Đỗ Thị Kim O là chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu DETECH, biển kiểm soát: 19N1-00022.

Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, d khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Nguyễn Đức N (Tên gọi khác: T), Nguyễn Duy L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hình sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo. Người bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Công an huyện;
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có QL, NV liên quan;
- UBND thị trấn H;
- UBND thị trấn L;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Đình Tước